

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/HC-ST
Ngày 04-3-2024
V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất
đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Quán

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Văn Thới
- Ông Nguyễn Hoàng Huy

- Thư ký phiên tòa: ông Trương Khánh Nam – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Hồng Hạnh- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An họp phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 330/2023/TLST-HC ngày 22 tháng 11 năm 2023 về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2024/QĐXXST-HC ngày 19 tháng 02 năm 2024, giữa:

1. Người khởi kiện: bà Phan Thị N, sinh năm 1953;

Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch UBND huyện Đ, tỉnh Long An.

2.2. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Thành P – Quyền Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: ông Trương Minh H – Phó Chủ tịch.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện UBND huyện và Chủ tịch huyện Đ: ông Nguyễn Thanh T – Viên chức Ban Q.

2.3. Chủ tịch UBND tỉnh L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND tỉnh L:

- Ông Phạm Vũ T1 – Chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh.
- Ông Trần Thanh S – Phó Phòng Quản lý đất đai thuộc Sở T3 tỉnh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Phan Thị N trình bày tại đơn khởi kiện ghi ngày 18/7/2023 như sau:

Bà Phan Thị N bị thu hồi hết diện tích đất 7.862m² (thu hồi lần hai) loại đất HNK, trên đất không có nhà ở theo Quyết định thu hồi số 5046/QĐ-UBND ngày 8/6/2018 của Chủ tịch UBND huyện Đ, tỉnh Long An. Bà Phan Thị N đã nhận tiền đền bù xong, hiện tại bà N không có nhà ở và cũng không còn đất nào khác để xây nhà ở.

Vào ngày 19/9/2007 Nhà nước thu hồi của bà N quyền sử dụng đất (ONT) diện tích 2.161 m², trên đất có nhà ở, nhà nước đã tái định cư cho bà Phan Thị N 375m² đất ONT và đã đền bù xong.

Năm 2008, chồng bà N bệnh nặng qua đời. Để có tiền xây nhà ở và lo hậu sự cho chồng, bà N đã chuyển nhượng hết 250m² đất tái định cư cho hai hộ, mỗi hộ 152m² và họ tự làm thủ tục tách thửa kê khai đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định giao đất tái định cư, phần còn lại 125m² bà N đã xây dựng nhà ở tại ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Bà Phan Thị N cho Lê Thành T2 ở ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Ngày 21/12/2015, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ra Thông báo số 6228/TB-UBND về việc thu hồi đất của bà N.

Ngày 08/6/2018 UBND huyện Đ ban hành Quyết định thu hồi số 5046/QĐ-UBND có nội dung “lập phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho các tổ chức hộ gia đình và cá nhân có đất bị thu hồi”. Do có nội dung hỗ trợ tái định cư nên bà N an tâm giao hết diện tích đất 7.862m² mà không có ý kiến gì.

Đến khi bố trí tái định cư trong danh sách không có tên bà N nên bà làm đơn khiếu nại yêu cầu được giao nền nhà tái định cư.

Ngày 19/9/2019 Chủ tịch UBND huyện Đ đã ký Công văn số 132/UBND-TCD về việc giải quyết đơn đã gửi cho ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đ xem xét, báo cáo đề xuất UBND huyện Đ theo quy định của pháp luật.

Bà Phan Thị N không rõ Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Đ xem xét, báo cáo đề xuất thế nào mà tất cả các văn bản giải quyết yêu cầu của bà về nền nhà tái định cư và Quyết định giải quyết khiếu nại của UBND huyện Đ, UBND tỉnh L đều cho rằng do thu hồi đất của bà là đất nông nghiệp trên đất không có nhà nên không có cơ sở để giải quyết bố trí nền nhà tái định cư. Ngoài ra tại

quyết định giải quyết khiếu nại số 11449/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh L còn cho phép bà được quyền khởi kiện Quyết định hành chính ra Tòa án nhân dân các cấp.

Bà Phan Thị N khiếu nại muốn xem xét xin cấp nền nhà tái định cư để ở dưỡng già và thờ tự ông bà cha mẹ, vì thực tế bà đã giao hết đất cho nhà nước mà chưa được cấp lại nền nhà tái định cư. Do không được Nhà nước giải quyết việc chuyển mục đích sử dụng đất của bà từ đất HNK lên đất ONT và không cho xây cất nhà do vướng đất quy hoạch nêu trên nên đất bà bị thu hồi là không có nhà ở. Vì thực tế điều kiện của bà N vô cùng khó khăn nên tha thiết yêu cầu Tòa án xem xét lại yêu cầu của bà về việc xin tái định cư theo Khoản 10 Điều 49 Luật Nhà ở quy định về chính sách nhà ở và xem xét giải quyết khiếu nại theo Điều 38 Nghị định 124/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính Phủ về quyền và lợi ích hợp pháp của công dân nhưng không được.

Bà Phan Thị N yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An hủy các quyết định:

- Quyết định số 5046/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 của UBND huyện Đ về việc thu hồi đất đối với bà Phan Thị N, đất tọa lạc tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An;
- Quyết định số 2749/QĐ-TC ngày 23/3/2022 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của bà Phan Thị N;
- Quyết định số 11449/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh L về việc giải quyết khiếu nại của bà Phan Thị N ngụ tại ấp C, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người bị kiện UBND huyện Đ có ý kiến tại Văn bản số 17858/UBND-TA ngày 19/12/2023 như sau:

Ủy ban nhân dân huyện Đ có tiếp nhận Thông báo số: 330/2023/TLST- HC ngày 22/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An về việc cung cấp thông tin, tài liệu đối với vụ án hành chính “Khiếu nại Quyết định hành chính” do bà Phan Thị N kiện UBND huyện Đ.

Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường huyện rà soát hồ sơ liên quan và phúc đáp nội dung đề nghị của Tòa án như sau:

1. Ý kiến của UBND huyện Đ về yêu cầu của người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định:

- Quyết định số: 5046/QĐ-UBND ngày 8/6/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc thu hồi đất đối với bà Phan Thị N đất tọa lạc tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Quyết định số: 2749/QĐ-CT ngày 23/3/2022 của Chủ tịch UBND huyện Đ, tỉnh Long An về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Phan Thị N.

- Quyết định số: 11449/QĐ-UBND ngày 2/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà Phan Thị N, ngụ ấp C, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Vấn đề này, UBND huyện Đ có ý kiến như sau:

Ngày 15/5/2008, bà Phan Thị N được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 290, với diện tích 3516m²; thửa đất số 795, với diện tích 4388m², cùng tờ bản đồ số 7; loại đất HNK, đất tọa lạc xã H.

Ngày 02/12/2009, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất chỉnh lý biến động trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phan Thị N tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị C, Lê Thị D, Lê Thị D1 với tổng diện tích 2.400m² tại thửa đất số 290; tờ bản đồ số 7, diện tích còn lại trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1.116m².

Ngày 09/02/2010, UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phan Thị N tại thửa đất số 1770; tờ bản đồ số 7; diện tích 2.358m²; loại đất HNK, đất tọa lạc xã H.

Ngày 08/6/2018, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số: 4870/QĐ-UBND ngày 08/06/2018 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đợt 3) dự án đầu tư xây dựng khu công nghiệp H do Tổng công ty Đ1 và khu công nghiệp V - CTCP và Công ty Cổ phần Đ2 - IDICO làm chủ đầu tư trên địa bàn xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Cùng ngày 08/6/2018, UBND huyện ban hành Quyết định số: 5046/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với bà Phan Thị N với diện tích 7.862m² gồm các thửa 795, 1770, 290; tờ bản đồ số 7; cùng loại đất HNK, đất xã H để thực hiện việc bồi thường giải phóng mặt bằng giao cho Tổng công ty Đ1 và khu công nghiệp V - Công ty Cổ phần Đ2 và Công ty cổ phần Đ2 - IDICO làm chủ đầu tư xây dựng Khu Công nghiệp H và Quyết định số: 5256/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với bà Phan Thị N với số tiền 1.619.924.960 đồng và được bổ sung giá trị quyền sử dụng đất là 253.837.495 đồng, bà N đã nhận tiền xong.

Ngày 11/02/2019, bà Phan Thị N có đơn kiến nghị yêu cầu cấp nền tái định cư bằng đất để xây dựng nhà ở.

Ngày 13/7/2021, UBND huyện Đ có Văn bản số: 7684/UBND-TCD về việc trả lời đơn cho bà Phan Thị N, với nội dung: “Việc bà Phan Thị N có đơn yêu cầu cấp nền tái định cư bằng đất để xây dựng nhà ở là không có cơ sở để xem xét giải quyết, bởi vì: bà chỉ có đất nông nghiệp được Nhà nước thu hồi và đã được bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 83 Luật Đất đai năm 2013 và Quyết định số: 4870/QĐ-UBND ngày 08/06/2018 của UBND huyện Đ”.

Ngày 16/11/2021, bà Phan Thị N có đơn khiếu nại Văn bản số: 7684/UBND-TCD ngày 13/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc trả lời đơn của công dân.

Đến ngày 23/3/2022, Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 2749/QĐ-CT ngày 23/3/2022 về việc giải quyết khiếu nại của bà Phan Thị N (lần đầu).

Ngày 21/7/2022, bà Phan Thị N tiếp tục có đơn khiếu nại Quyết định số: 2749/QĐ-CT ngày 23/3/2022 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của bà Phan Thị N (lần đầu) với nội dung: “Bác đơn khiếu nại của bà Phan Thị N về việc khiếu nại: Văn bản số: 7684/UBND-TCD ngày 13/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện Đ về việc trả lời đơn của bà Phan Thị N, đất tọa lạc xã H. Lý do: Nội dung khiếu nại không có cơ sở xem xét giải quyết.”

Đến ngày 02/12/2022, Chủ tịch UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 11449/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Phan Thị N ngụ ấp C, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An (lần 2) với nội dung: “Bác nội dung đơn của bà Phan Thị N khiếu nại Quyết định số: 2749/QĐ-UBND ngày 23/3/2022 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Phan Thị N. Lý do: Nội dung khiếu nại không có cơ sở xem xét”.

Như vậy, việc Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định thu hồi đất số: 5046/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 và Quyết định số: 2749/QĐ-CT ngày 23/3/2022 là đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh L có ý kiến tại Văn bản số 12119/UBND-NCTCD ngày 21/12/2023 như sau:

Chủ tịch UBND tỉnh L nhận được Thông báo số 330/2023/TLST-HC ngày 22/11/2023 của TAND tỉnh Long An về việc khiếu kiện “Quyết định hành chính” của bà Phan Thị N; địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Căn cứ nội dung khởi kiện của bà Phan Thị N, Chủ tịch UBND tỉnh L có ý kiến như sau:

I. Nội dung khởi kiện

Bà Phan Thị N khởi kiện yêu cầu TAND tỉnh Long An hủy Quyết định số 11449/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà Phan Thị N.

II. Quá trình giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch UBND tỉnh về việc bà Phan Thị N khiếu nại Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 23/3/2022 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại lần đầu

1. Nội dung khiếu nại

Bà Phan Thị N khiếu nại Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 23/3/2022 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Phan Thị N, với nội dung:

“Khiếu nại Công văn số 7684/UBND-TCD ngày 13/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc trả lời đơn kiến nghị của bà N, với yêu cầu cấp nền tái định cư bằng đất để xây dựng nhà ở”.

2. Kết quả xác minh nội dung khiếu nại

2.1 Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất

Bà **Phan Thị N** có đứng tên 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do **UBND huyện Đ** cấp; trên 03 thửa đất (795, 1770, 290) trong 03 giấy chứng nhận có cùng tờ bản đồ số 7, cùng mục đích sử dụng là đất trồng cây hàng năm khác (HNK), cùng địa chỉ **ấp C, xã H, huyện Đ**. Bà **Phan Thị N** sử dụng các phần đất này đến khi có quyết định thu hồi đất năm 2018. Cụ thể như sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05006 ngày 13/3/2008, thửa đất số 290, diện tích 3.516m². Năm 2009, bà **N** có làm thủ tục tặng cho QSD đất cho các con là bà **Lê Thị C**, bà **Lê Thị D**, bà **Lê Thị D1**, với diện tích 2.400m². Do đó, diện tích đất còn lại trong giấy CNQSD đất là 1.116m².

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05007 ngày 13/3/2GG8, thửa đất số 795, diện tích 4.388m².

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00330 ngày 09/02/2010, thửa đất số 1770, diện tích 2.358,00m².

2.2 Việc thực hiện chủ trương, trình tự kê biên, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ đối với bà **Phan Thị N**

Ngày 11/11/2011, **UBND tỉnh L** có Quyết định số 3622/QĐ-UBND về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1:2000 **Khu công nghiệp H, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An**.

Ngày 24/11/2015, **UBND huyện Đ** có Quyết định số 6670/QĐ-UBND về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với dự án **Khu công nghiệp H** do **Tổng công ty Đ1 - CTCP** làm chủ đầu tư trên địa bàn **xã H, huyện Đ, tỉnh Long An**.

Ngày 10/12/2015, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư có Kế hoạch số 1092/KH-HĐ về việc triển khai công tác kiểm đếm nhà, đất, tài sản trên đất và lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án **Khu công nghiệp H** do **Tổng công ty Đ1 - CTCP** làm chủ đầu tư trên địa bàn **xã H, huyện Đ, tỉnh Long An**.

Ngày 18/12/2015, **UBND huyện Đ** có Quyết định số 6997/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch triển khai công tác kiểm đếm nhà, đất, tài sản trên đất và lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án **khu công nghiệp V** - CTCP làm chủ đầu tư trên địa bàn **xã H, huyện Đ, tỉnh Long An**. (Kèm theo là Kế hoạch số 1092/KH-HĐ ngày 10/12/2015 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư **huyện Đ**).

Ngày 21/12/2015, **UBND huyện Đ** có Thông báo số 6228/TB-UBND về việc thông báo thu hồi đất đối với các hộ dân thuộc dự án **Khu công nghiệp H** do liên doanh **Tổng công ty Đ1 - CTCP** và **Công ty cổ phần Đ2 - IDICO** làm chủ đầu tư trên địa bàn **xã H, huyện Đ**.

Ngày 21/12/2015, UBND huyện Đ có Biên bản số 6230/BB-UBND về việc thông qua phương án kiểm đếm nhà, đất và tài sản trên đất dự án Khu công nghiệp H do liên doanh Tổng công ty Đ1 - CTCP và Công ty cổ phần Đ2 - IDICO làm chủ đầu tư trên địa bàn xã H, huyện Đ.

Ngày 15/01/2016, Trung tâm phát triển quỹ đất có biên bản đo đạc, kiểm đếm hiện trạng tài sản của người có tài sản gắn liền với đất thu hồi của bà Phan Thị N. (không có thể hiện có nhà và các công trình phụ độc lập trên 03 thửa đất số 290.1770, 795 khi kê biên, kiểm đếm).

Ngày 15/01/2016, bà Phan Thị N không có ghi nhận ý kiến, nội dung và ký xác nhận Tờ khai về việc kê khai đất đai và các tài sản trên đất.

Ngày 26/8/2016, UBND tỉnh L có Quyết định số 3469/QĐ-UBND về việc thành lập Khu công nghiệp H, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. Địa điểm xây dựng: xã H, huyện Đ. Chủ đầu tư: Công ty CP Đ2 - IDICO và Tổng công ty Đ1 và khu công nghiệp V - TNHH Một thành viên. Diện tích 524,14ha. Thời hạn hoạt động của khu công nghiệp là 50 năm kể từ ngày Nhà nước cho thuê đất.

Ngày 09/9/2016, UBND tỉnh L có Quyết định số 3667/QĐ-UBND về chủ trương đầu tư và Quyết định số 3668/QĐ-UBND điều chỉnh chủ trương đầu tư để thực hiện Dự án Khu công nghiệp H do Tổng Công ty Đ1 và khu công nghiệp V - CTCP và Công ty CP Đ2 - IDICO.

Ngày 29/3/2017, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1141/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường để thực hiện Dự án Khu công nghiệp H do Tổng Công ty Đ1 và khu công nghiệp V - CTCP và Công ty CP Đ2 - IDICO làm chủ đầu tư trên địa bàn xã H, huyện Đ.

Ngày 08/6/2018, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 4870/QĐ- UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đợt 3) dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp H do Tổng Công ty Đ1 và khu công nghiệp V - CTCP và Công ty CP Đ2 - IDICO làm chủ đầu tư trên địa bàn xã H, huyện Đ.

Ngày 08/6/2018, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 5046/QĐ- UBND về việc thu hồi 7.862m² đất của bà Phan Thị N, gồm: Thửa đất số 795, diện tích 4.388m² loại đất HNK, tờ bản đồ số 7; thửa đất số 1770, diện tích 2.358m² loại đất HNK, tờ bản đồ số 7; thửa đất số 290, diện tích 1.116m² loại đất HNK, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại xã H, huyện Đ.

Ngày 08/6/2018, UBND huyện Đ ban hành Quyết định 5256/QĐ- UBND về việc bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với bà Phan Thị N. Với tổng số tiền là 1.619.924.960 đồng, bà Phan Thị N đã nhận tiền và kèm theo quyết định về bồi thường có Bảng chiết tính thì bà N cũng không có ý kiến.

Ngày 05/6/2019, UBND huyện Đ có Quyết định số 3415/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án tái định cư bằng đất dự án khu công nghiệp H, khu dân cư,

nhà ở công nhân, khu tái định cư và Phương án tái định cư bằng đất số 979/PA-TĐC ngày 27/5/2019.

Ngày 26/01/2022, UBND huyện Đ có Quyết định số 156/QĐ-UBND về việc điều chỉnh một phần nội dung trong Quyết định phê duyệt phương án tái định cư bằng đất số 3415/QĐ-UBND ngày 05/6/2019 của UBND huyện Đ đối với dự án khu công nghiệp H, khu dân cư, nhà ở công nhân, khu tái định cư và Phương án tái định cư (điều chỉnh) số 86/PA-TĐC ngày 20/01/2022.

2.3. Quá trình giải quyết đơn và trình tự giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện Đ đối với nội dung khiếu nại của bà Phan Thị N

Ngày 11/02/2019, bà Phan Thị N có đơn kiến nghị gửi UBND huyện Đ.

Ngày 05/8/2020, UBND huyện Đ có Công văn số 9604/UBND-TCD về việc giao Phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra nội dung kiến nghị của các hộ dân yêu cầu cấp nền tái định cư bằng đất, để UBND huyện phúc đáp theo quy định pháp luật.

Ngày 13/7/2021, UBND huyện Đ có Công văn số 7684/UBND-TCD về việc trả lời đơn của công dân.

Ngày 16/11/2021, bà Phan Thị N có đơn khiếu nại gửi UBND huyện Đ.

Ngày 19/11/2021, UBND huyện Đ ban hành Công văn số 14243/UBND-TCD về việc giải quyết đơn của bà Phan Thị N, có nội dung:

Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện kiểm tra nội dung đơn khiếu nại của bà Phan Thị N, tham mưu đề xuất CT UBND huyện Đ theo quy định pháp luật hiện hành.

Ngày 02/12/2021, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 14863/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung đơn khiếu nại của bà Phan Thị N.

Ngày 06/12/2021, Phòng T4 ban hành Quyết định số 4091/QĐ-PTNMT về việc thành lập Tổ xác minh nội dung khiếu nại của bà Phan Thị N.

Ngày 18/02/2022, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T4 có Báo cáo số 542/BC-PTNMT về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà Phan Thị N.

Ngày 03/3/2022, Chủ tịch UBND huyện Đ đối thoại với bà Phan Thị N.

Ngày 09/3/2022, Phòng T4 có Tờ trình số 780/TTr-PTNMT về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà Phan Thị N.

Ngày 23/3/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 2749/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Phan Thị N.

3. Kết luận

Căn cứ pháp lý

- Luật Khiếu nại năm 2011;
- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại;

- Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 20/3/2018 của UBND tỉnh L về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Long An;

- Quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND tỉnh ban hành về việc phê duyệt phương án hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường để thực hiện Dự án Khu công nghiệp H do Tổng Công ty Đ1 và khu công nghiệp V - CTCP và Công ty CP Đ2 - IDICO làm chủ đầu tư trên địa bàn xã H, huyện Đ.

Kết luận:

Nội dung của bà Phan Thị N khiếu nại Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 23/3/2022 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Phan Thị N. Nội dung khiếu nại này là sai. Bởi vì:

3.1 Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền: Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 23/3/2022 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Phan Thị N đã thực hiện theo trình tự, thủ tục tại Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại và giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011.

Tuy nhiên, đơn khiếu nại ghi ngày 16/11/2021 của bà Phan Thị N đã được Chủ tịch UBND huyện Đ xem xét thụ lý vào ngày 02/12/2021 (Thông báo số 14862/TB-UBND ngày 02/12/2021 về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu), nhưng đến ngày 23/3/2022 Chủ tịch UBND huyện Đ mới ban hành Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 23/3/2022 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Phan Thị N là chưa đúng thời hạn (54 ngày) quy định tại Điều 28, Luật Khiếu nại năm 2011: "Điều 28. Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý".

3.2 Về nội dung:

- Đối với nội dung bà Phan Thị N khiếu nại Công văn số 7684/UBND- TCD ngày 13/7/2021 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc trả lời đơn kiến nghị của bà N, với yêu cầu cấp nền tái định cư bằng đất để xây dựng nhà ở là không có cơ sở xem xét giải quyết. Bởi vì:

Bà Phan Thị N có đất Nhà nước thu hồi diện tích 7.862m² là đất nông nghiệp và trên đất bị thu hồi không có xây nhà ở nên không thuộc đối tượng được bố trí tái định cư bằng đất tại Quyết định số 3415/QĐ-UBND ngày 05/6/2019 của UBND huyện Đ về việc phê duyệt phương án tái định cư bằng đất (kèm Phương án tái định cư số 979/PA-TĐC ngày 27/5/2019); Quyết định số 156/QĐ-UBND

ngày 26/01/2022 của UBND huyện Đ về việc điều chỉnh một phần nội dung trong Quyết định số 3415/QĐ-UBND ngày 05/6/2019 của UBND huyện Đ (kèm Phương án tái định cư điều chỉnh số 86/PA-TĐC ngày 20/01/2022) và phù hợp theo quy định tại Điều 86 Luật Đất đai năm 2013 quy định về bố trí tái định cư cho người có đất ở thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở.

- Ngoài ra, bà N cho rằng bà có nhà và đất nhưng nhà nước đã thu hồi; vì hoàn cảnh cuộc sống gia đình khó khăn, không có nhà ở nơi khác tại xã H, để yêu cầu cấp nền tái định cư bằng đất là không có cơ sở. Bởi vì:

Ngày 29/8/2022, Đoàn xác minh - Thanh tra tỉnh phối hợp với các phòng ban của huyện (Phòng Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra) và UBND xã H, xác định:

+ Gia đình bà Phan Thị N có 05 người con, đã tách riêng hộ khẩu là 04 người và có chỗ ở ổn định. Bà N hiện đang sống chung với người con trai là ông Lê Thành T2; ngụ ấp B, xã Đ, huyện Đ. Hộ bà Phan Thị N không thuộc diện hộ nghèo ở xã H;

+ Hiện nay, trên phần đất Nhà nước đã thu hồi của bà N, có 01 căn chòi và Đ xác minh xác định là căn chòi có sau khi kê biên kiểm đếm; vì vào ngày 15/01/2016, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đ có Biên bản kê biên, kiểm đếm và Tờ khai của bà N ghi nhận là tại 03 thửa đất số 290, 795, 1770, với tổng diện tích đất là 7.862m², không ghi nhận có cát chòi trên phần đất này.

+ Đồng thời, theo Biên bản ngày 15/9/2022 của UBND xã H, có ghi nhận ý kiến của bà N như sau:

Tôi có phần diện tích bị giải tỏa trong khu công nghiệp I là gần 8000m², toàn bộ là đất nông nghiệp. Ngoài diện tích bị giải tỏa này ra, tôi không còn đất hay nhà ở nào khác trên địa bàn xã; Về nhà ở: lúc trước khi có dự án IDICO thì tôi ở chung với con gái ruột là bà Lê Thị C, sau khi bị giải tỏa nhà của bà C thì tôi về ở với con trai ruột là ông Lê Thành T2 ở ấp B, xã Đ. Do hoàn cảnh khó khăn nên khoảng cuối năm 2020, tôi có về cất lại cái chòi để ở tạm, hiện vẫn còn hiện trạng, dù biết việc cất chòi trên đất đã bồi thường là không đúng quy định nhưng do khó khăn về nhà ở nên tôi mới cất như vậy. Về phần chòi đã cất thì tôi không yêu cầu nhà nước bồi thường, vì cất sau khi thu hồi đất và tôi đã nhận đủ tiền bồi thường tài sản trên đất.

Từ cơ sở nêu trên, ngày 02/12/2022, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 11449/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà Phan Thị N, như sau:

Điều 1. Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 23/3/2022 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Phan Thị N.

Bác nội dung đơn của bà Phan Thị N khiếu nại Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 23/3/2022 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Phan Thị N.

Lý do: Nội dung khiếu nại không có cơ sở xem xét.

III. Quan điểm giải quyết

Sau khi rà soát kết quả giải quyết nêu trên, Chủ tịch UBND tỉnh L khẳng định Quyết định số 11449/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của bà Phan Thị N là đúng quy định pháp luật và có giá trị thi hành.

Đề nghị TAND tỉnh Long An xem xét bác đơn khởi kiện của bà Phan Thị N về việc yêu cầu hủy Quyết định số 11449/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của bà Phan Thị N.

Ngày 22/11/2023 Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý vụ án.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và lập biên bản không đối thoại được.

Tại phiên toà,

Người khởi kiện bà Phan Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị hủy Quyết định số 5046/QĐ-UBND ngày 8/6/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc thu hồi đất đối với bà Phan Thị N đất tọa lạc tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An; Hủy Quyết định số 2749/QĐ-CT ngày 23/3/2022 của Chủ tịch UBND huyện Đ và Quyết định số 11449/QĐ-UBND ngày 2/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L về việc giải quyết khiếu nại của bà Phan Thị N.

Bà Phan Thị N trình bày: bà thuộc trường hợp khó khăn, không phải người giàu có, không nơi ở phải ở nhờ nhà con. Nên chỉ yêu cầu giải quyết cho bà một nền tái định cư, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND huyện và Chủ tịch UBND huyện Đ phát biểu:

Ngày 8/6/2018 Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 5046/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với bà Phan Thị N diện tích 7.862m², loại đất HNK tại xã H, huyện Đ. UBND huyện Đ ban hành Quyết định 5256/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với bà Phan Thị N tổng số tiền là 1.619.924.960 đồng, bà Phan Thị N đã nhận tiền cũng không có ý kiến.

Căn cứ biên bản kiểm đếm đất bị thu hồi không phải là đất ở và trên đất không có công trình vật kiến trúc. Trường hợp của bà Phan Thị N không thuộc hộ nghèo, gặp khó khăn về chỗ ở. Bà N có 05 người con, bốn gái một trai đều có nơi ở ổn định. Hiện bà N đang sống với con trai. Căn cứ Điều 83 Luật Đất đai năm 2013, trường hợp của bà N cũng như các trường hợp khác không đủ điều kiện được cấp nền tái định cư. Việc bà N yêu cầu giải quyết nền tái định cư là không có

căn cứ pháp luật nên UBND không chấp nhận. Giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện Đ là có cơ sở, đề nghị Tòa án bác các yêu cầu khởi kiện của bà N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng. Việc thụ lý, quan hệ khiếu kiện, thẩm quyền đúng theo Điều 30, Khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng Hành chính năm 2015. Phía người bị kiện xin vắng nên không đối thoại được. Việc thu thập chứng cứ, xác minh, công khai chứng cứ đảm bảo; chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và thời gian giải quyết vụ án đảm bảo tố tụng. Tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Thời hiệu khởi kiện:

Đối với quyết định thu hồi đất.

Ngày 08/6/2018 UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 5046/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với bà Phan Thị N tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. Đến ngày 18/7/2023 bà Phan Thị N mới khởi kiện quyết định này là đã hết thời hiệu theo quy định tại Khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015. Bà Phan Thị N không chứng minh được trở ngại khách quan hay sự kiện bất khả kháng nên không được xem xét. Việc bà khiếu nại liên tục nhưng bà N không khiếu nại quyết định thu hồi đất mà khiếu nại về chính sách tái định cư. Do đó đề nghị căn cứ điểm g Khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015 đình chỉ xét xử yêu cầu này của bà Phan Thị N.

Đối với các quyết định giải quyết khiếu nại.

Ngày 23/3/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 2749/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Phan Thị N. Bà Phan Thị N có đơn khiếu nại. Đến ngày 02/12/2022, Chủ tịch UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 11449/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Phan Thị N.

Ngày 18/7/2023 bà Phan Thị N khởi kiện. Căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015 trong thời hiệu.

Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Ngày 08/6/2018 UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 5046/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với bà Phan Thị N tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. Diện tích đất bị thu hồi là 7.862m² loại đất HNK tọa lạc tại xã H, huyện Đ. Bà Phan Thị N, được bồi thường tổng số tiền là 1.619.924.960 đồng, bà Phan Thị N đã nhận tiền kèm theo quyết định về bồi thường và không có ý kiến.

Việc thu hồi đất của bà N là đúng trình tự, thủ tục và đúng quy định của pháp luật. Bà N yêu cầu được nhận lô nền đất tái định cư. Nhưng trường hợp của bà N

không thuộc diện hộ nghèo, hoàn cảnh khó khăn về chỗ ở. Đất bị thu hồi là đất trồng lúa, căn chòi trên đất do bà N tự tạo sau khi đã lập biên bản kiểm đếm.

Tại Biên bản ngày 15/9/2022 của UBND xã H, bà N cũng thừa nhận khoảng cuối năm 2020, tôi có về cất lại cái chòi để ở tạm, hiện vẫn còn hiện trạng... Về phần chòi đã cất thì tôi không yêu cầu nhà nước bồi thường, vì cất sau khi thu hồi đất và tôi đã nhận đủ tiền bồi thường tài sản trên đất.

Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a Khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N. Bà N thuộc diện lớn tuổi được miễn tiền án phí.

(Có bài phát biểu kèm theo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quyền khởi kiện, đối tượng khởi kiện, thẩm quyền và phạm vi xét xử Bà Nguyễn Thị N1 khởi kiện yêu cầu hủy quyết định thu hồi đất của UBND huyện Đ, quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện Đ và hủy quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh L là những khiếu kiện “quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai”.

Căn cứ Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật luật tố tụng hành chính năm 2015 Tòa án nhân dân tỉnh Long An giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Thời hiệu

[2.1] Đối với yêu cầu hủy quyết định thu hồi đất.

Ngày 08/6/2018 UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 5046/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với bà Phan Thị N, đất tọa lạc tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Đến ngày 18/7/2023 bà Phan Thị N khởi kiện là đã hết thời hiệu theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015.

Bà Phan Thị N cho rằng bà khiếu nại liên tục nên đề nghị không tính thời hiệu nhưng bà N chỉ khiếu nại về chính sách tái định cư, không khiếu nại về quyết định thu hồi đất. Do đó căn cứ điểm g Khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu hủy Quyết định số 5046/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc thu hồi đất đối với bà Phan Thị N.

[2.2] Đối với yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại.

Ngày 23/3/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 2749/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Phan Thị N.

Ngày 21/7/2022, bà Phan Thị N tiếp tục có đơn khiếu nại Quyết định số 2749/QĐ-CT ngày 23/3/2022 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của bà Phan Thị N.

Đến ngày 02/12/2022, Chủ tịch UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 11449/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Phan Thị N: “Bác nội dung đơn của bà Phan Thị N khiếu nại Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 23/3/2022 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Phan Thị N. Lý do: Nội dung khiếu nại không có cơ sở xem xét”.

Ngày 18/7/2023 bà Phan Thị N khởi kiện.

Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng Hành chính năm 2015 đảm bảo thời hiệu khởi kiện.

[3] Về tư cách tố tụng

Bà Phan Thị N khởi kiện quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc hồi đất; khiếu kiện quyết định của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch UBND tỉnh L nên xác định: bà Phan Thị N là người khởi kiện; UBND huyện Đ, Chủ tịch UBND huyện Đ và Chủ tịch UBND tỉnh L được xác định là người bị kiện.

Người bị kiện UBND huyện Đ ủy quyền đúng theo quy định tại Khoản 3 Điều 60 Luật tố tụng Hành chính năm 2015 nên được chấp nhận.

[4] Đối thoại và công khai chứng cứ

Người bị kiện xin vắng mặt giải quyết nên Tòa án áp dụng quy định tại Điều 135 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015 lập biên bản không đối thoại được và căn cứ Điều 138 Luật tố tụng Hành chính năm 2015 công khai chứng cứ theo quy định.

[5] Xét xử vắng mặt đương sự

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện Đ, Chủ tịch tỉnh Long An và UBND tỉnh L có văn bản xin vắng nên căn cứ khoản 1 Điều 157 Luật tố tụng Hành chính 2015 Tòa án vẫn xét xử.

[6] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N

[6.1] Ngày 08/6/2018 UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 5046/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của bà Phan Thị N tại xã H, huyện Đ, diện tích 7.862m² đất, gồm: Thửa đất số 795, diện tích 4.388m² loại đất HNK, tờ bản đồ số 7; thửa đất số 1770, diện tích 2.358m² loại đất HNK, tờ bản đồ số 7; thửa đất số 290, diện tích 1.116m² loại đất HNK, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại xã H, huyện Đ.

[6.2] Ngày 08/6/2018, UBND huyện Đ ban hành Quyết định 5256/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ do bị thiệt hại về đất và tài sản trên đất đối với bà Phan Thị N, tổng số tiền là 1.619.924.960 đồng, bà Phan Thị N đã nhận tiền và kèm theo quyết định về bồi thường có Bảng chiết tính thì bà N cũng không có ý kiến.

[6.3] Ngày 05/6/2019, UBND huyện Đ có Quyết định số 3415/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án tái định cư bằng đất dự án khu công nghiệp H, khu

dân cư, nhà ở công nhân, khu tái định cư và Phương án tái định cư bằng đất số 979/PA-TĐC ngày 27/5/2019.

[6.4] Ngày 26/01/2022, UBND huyện Đ có Quyết định số 156/QĐ-UBND về việc điều chỉnh một phần nội dung trong Quyết định phê duyệt phương án tái định cư bằng đất số 3415/QĐ-UBND ngày 05/6/2019 của UBND huyện Đ đối với dự án khu công nghiệp H, khu dân cư, nhà ở công nhân, khu tái định cư và Phương án tái định cư (điều chỉnh) số 86/PA-TĐC ngày 20/01/2022.

[7] Về thẩm quyền ban hành các quyết định hành chính là đúng quy định của Khoản 1 Điều 18 và Khoản 1 Điều 21 Luật Khiếu nại.

[8] Xét mặc dù bà Phan Thị N có đất bị Nhà nước thu hồi là 7.862m² nhưng là đất nông nghiệp, trên đất bị thu hồi không có xây nhà ở nên không thuộc đối tượng được bố trí tái định cư bằng đất theo quy định tại Điều 86 Luật Đất đai năm 2013 quy định về bố trí tái định cư cho người có đất ở thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở.

[9] Bà Phan Thị N cho rằng bà có nhà và đất nhưng nhà nước đã thu hồi và vì hoàn cảnh cuộc sống gia đình khó khăn, không có nhà ở nơi khác tại xã H yêu cầu cấp nền tái định cư bằng đất. Tuy nhiên, qua xác minh, gia đình bà Phan Thị N có 05 người con, đã tách riêng hộ khẩu 04 người và có chỗ ở ổn định. Bà N hiện đang sống chung với người con trai là ông Lê Thành T2, ngụ ấp B, xã Đ, huyện Đ. Hộ bà Phan Thị N không thuộc diện hộ nghèo ở xã H. Riêng căn chòi có sau khi kê biên kiểm đếm Biên bản kê biên, kiểm đếm ghi ngày 15/01/2016 của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Đ ghi nhận là tại 03 thửa đất số 290, 795, 1770, với tổng diện tích đất là 7.862m², không ghi nhận có cất chòi trên phần đất này. Hơn nữa, tại Biên bản ngày 15/9/2022 của UBND xã H, bà N cũng thừa nhận: *Do hoàn cảnh khó khăn nên khoảng cuối năm 2020, tôi có về cất lại cái chòi để ở tạm, hiện vẫn còn hiện trạng, dù biết việc cất chòi trên đất đã bồi thường là không đúng quy định nhưng do khó khăn về nhà ở nên tôi mới cất như vậy. Về phần chòi đã cất thì tôi không yêu cầu nhà nước bồi thường, vì cất sau khi thu hồi đất và tôi đã nhận đủ tiền bồi thường tài sản trên đất.*

[10] Như vậy, bà Phan Thị N không thuộc trường hợp được hỗ trợ nền tái định cư theo Điều 86 Luật Đất đai năm 2013 cho nên Chủ tịch UBND huyện Đ bác yêu cầu khiếu nại của bà Phan Thị N tại Quyết định số 2749/QĐ-TC ngày 23/3/2022 do Chủ tịch UBND huyện Đ ký là có căn cứ. Do đó Chủ tịch UBND tỉnh L giải quyết khiếu nại lần hai giữ nguyên quyết định của Chủ tịch UBND huyện Đ và bác yêu cầu khiếu nại của bà Phan Thị N là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An. Áp dụng điểm a, Khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng Hành chính năm 2015 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị N.

[11] Về án phí Hành chính sơ thẩm: Áp dụng Điều 348 Luật tố tụng Hành chính năm 2015 bà Phan Thị N phải chịu. Bà Phan Thị N thuộc diện miễn theo điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án, không nộp nên không hoàn trả.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 3, Điều 30, Khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng Hành chính 2015;

Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 193, Điều 348, Điều 358 Luật tố tụng Hành chính năm 2015;

Căn cứ điểm g Khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015;

Áp dụng Khoản 1 Điều 18, Khoản 1 Điều 21 Luật Khiếu nại; Điều 86 Luật Đất đai năm 2013;

Áp dụng điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà **Phan Thị N** đối với Ủy ban nhân dân huyện Đ về việc yêu cầu hủy Quyết định số 5046/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 UBND huyện Đ về việc thu hồi đất đối với bà **Phan Thị N**, tại xã H, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Phan Thị N** đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, và Chủ tịch UBND tỉnh L về việc “yêu cầu hủy quyết định hành chính”, gồm:

- Quyết định số 2749/QĐ-TC ngày 23/3/2022 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của bà **Phan Thị N** (lần đầu);

- Quyết định số 11449/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh L về việc giải quyết khiếu nại của bà **Phan Thị N** ngụ tại ấp C, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An (lần 2).

3. Về án phí Hành chính sơ thẩm: bà **Phan Thị N** không phải chịu, do miễn nộp tạm ứng, nên không phải thối hoàn.

4. Án xét xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt hợp lệ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Lưu.

Trần Văn Quán